TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:20/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 28-4-2022
V/v tranh chấp hôn nhân,gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Vân

Ông Đỗ Văn Ngôn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Tuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên tỉnh Bắc Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số; 213/2021/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2021 về việc: "Tranh chấp hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18/4/ 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn; Chị Trần Thị H sinh năm 1977 có mặt

Địa chỉ: Thôn R, xã T, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn; Anh Chu Văn T sinh năm 1960. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các lời khai tại Toà án cũng như lời trình bầy của chị Trần Thị H tại phiên tòa hôm nay nội dung vụ án như sau:

Chị H và Chu Văn T kết hôn với nhau ngày 22/10/2012 trước khi kết hôn có tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà anh T làm dâu ngay và ở chung với gia đình. Tình cảm vợ chồng lúc đầu bình thường hạnh phúc cho đến tháng 7 năm 2018 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống không hợp nhau

cho nên tháng 10 năm 2021 chị về nhà mẹ đẻ và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ chị đề nghị được ly hôn.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là Chu Tiến Đ sinh ngày 03/3/2015. Hiện đang ở với chị cháu vẫn phát triển bình thường. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con. Chị hiện nay thu nhập mỗi tháng 7.000.000 đ đến 8.000.000 đồng đủ đều kiện nuôi con.

Về tài sản; Vợ chồng không có tài sản, không có nợ chung không yêu cầu Toà án giải quyết.

Anh Chu Văn T vắng mặt tại phiên tòa Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án và các thông báo tiếp cân công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh T vẫn không đến tòa án. Tòa án đã đến gia đình anh T để ghi lời khai của anh T, anh T trình bầy vợ chồng mâu thuẫn khoảng tháng 7 năm 2019 là do Chị H ở nhà trông cháu nội, làm cháu khóc, anh mắng Chị H thì chị bỏ về nhà mẹ đẻ, vợ chồng đã ly thân 3 năm nay không quan tâm đến nhau nhưng anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, không muốn ly hôn. Vợ chồng có một con chung Chu Tiến Đ hiện ở với Chị H nếu Chị H cương quyết ly hôn anh xin được nuôi con. Vợ chồng không có tài sản chung không yêu cầu tòa án giải quyết.

Cháu Chu Tiến Đ có đơn trình bày nếu bố mẹ ly hôn, cháu mong muốn được ở với mẹ.

Tại phiên toà hôm nay, Chị H vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T và đề nghị được nuôi con

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về ý kiến giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56; 57; 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình. Điều 28; Điều 35; Khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 271, Điều 273 BLTTDS. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Trần Thị H được ly hôn anh Chu Văn T

Về con chung: Giao chị Trần Thị H trực tiếp nuôi Chu Tiến Đ sinh ngày 03/3/2015. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung do Chị H không yêu cầu nên

không đặt ra xem xét. Anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng; Chị H và anh T kết hôn với nhau có tìm hiểu thỏa thuận, có đăng ký kết hôn tại UBND xã được xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị H có đơn xin ly hôn anh T như vậy được xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp " Hôn nhân và gia đình" theo quy đinh tại điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hơn nữa anh T ở xã T, huyện Việt Yên cho nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên là phù hợp với điểm b khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét anh T vắng mặt tại phiên họp tiếp cân công khai chứng cứ, hòa giải cũng như vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành giao thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các thông báo mở phiên tòa cho anh T theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt cho nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu về việc xin ly hôn của Chị H thấy rằng qua các chứng cứ do các bên xuất trình lời khai người làm chứng được biết vợ chồng chị H, anh T kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã được xác định là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng đã có thời gian sống hạnh phúc nhưng tình cảm vợ chồng không duy trì và phát triển được nên đã xảy ra mâu thuẫn xuất phát từ tính tình không hợp nhau cho nên hay cãi nhau, gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không được cho nên vợ chồng cắt đứt quan hệ tình cảm từ 3 năm nay không bên nào quan tâm đến bên nào. Tòa án đã thông báo anh T đến Tòa án để tiến hành hòa giải nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị H và anh T đã phát triển trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng điều 51,56 Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết cho Chị H được ly hôn anh T là phù hợp, cho nên yêu cầu xin ly hôn của Chị H cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu về nuôi con của hai bên thấy rằng vợ chồng chị H, anh T có 01 con chung hiện đang ở với chị cháu vẫn phát triển bình thường hơn nữa Chu Tiến Đ có nguyện vọng được ở với chị. Ngoài ra anh T có nguyện vọng được nuôi con nhưng không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến gì về con chung mặc dù Tòa án đã tiến hành giao các giấy tờ cho anh T đúng theo quy định cho nên xác định anh T cũng không tha thiết được nuôi con vì vậy xét thấy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của đứa trẻ cần giao Chu Tiến Đ cho Chị H nuôi là phù hợp. Anh T được quyền thăm nom con không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này. Xét

Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện phù hợp pháp luật cho nên cần chấp nhận.

[4]Vê tài sản, công nợ, ruộng đất; Chị H, anh T đều xác định không có tài sản chung , nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH14, ngày 30/ 12/ 2016 về án phí lệ phí Tòa án Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa phát biểu về quá trình tiến hành tố tụng, việc chấp hành pháp luật của các đương sự cũng như đề nghị áp dụng các điều luật, đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với pháp luật cần chấp nhận. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ vào: - Các Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình;Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ - UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

* Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị H

*Về quan hệ vợ chồng: Chị Trần Thị H được ly hôn anh Chu Văn T.

*Về con chung: Giao chị Trần Thị H trực tiếp nuôi Chu Tiến Đ sinh ngày 03/3/2015, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con chung giữa hai bên cho đến khi có yêu cầu. Anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

*Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số; 0006098 ngày 01/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

*Báo cho đương sự có mặt biết quyền được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- VKSND huyện Việt Yên;
- THADS huyện Việt Yên;
- UBND xã Tự Lạn
- Đương sự
- Lưu.

Hà Văn Vinh